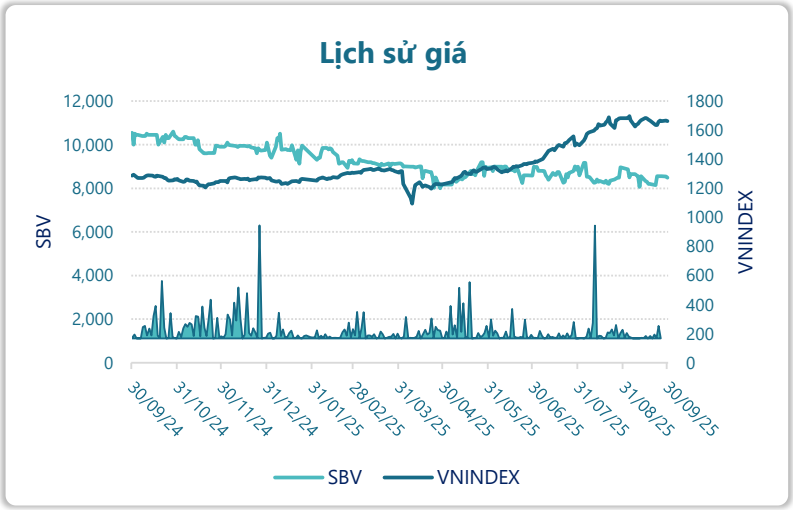
FireAnt

CTCP Siam Brothers Việt Nam (HSX: SBV)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**8,490**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	10,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,000
SL cổ phiếu LH	27,323,976
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,140
% sở hữu nước ngoài	14.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	232
P/E	-10.0
EPS	-853

DT thuần

Q3/25

147

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 19.0| 14.8%

YoY: ▲ 27.0| 22.4%

LN sau thuế

Q3/25

10.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 23.6| 180%

YoY: ▲ 23.4| 181%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

11.3%

+/- YoY: ▲ 19.0%

DT thuần

9T 2025

385

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 68.0| 21.3%

LN sau thuế

9T 2025

-15.1

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 9.00| 37.5%

ROE

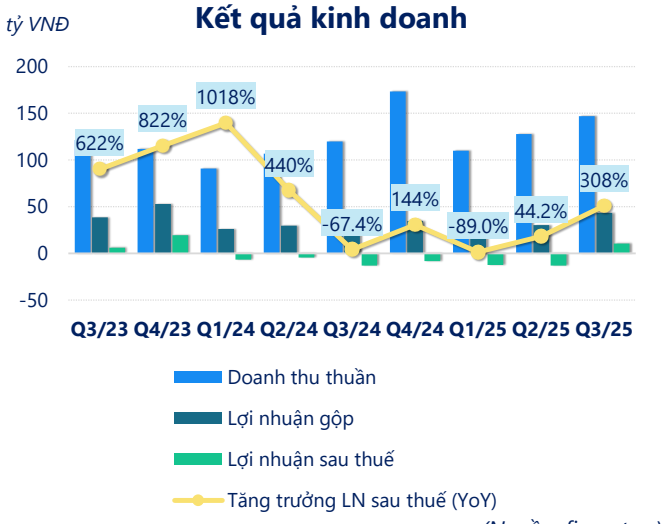
Q3/25

-5.2%

+/- YoY: ▼ 4.2%

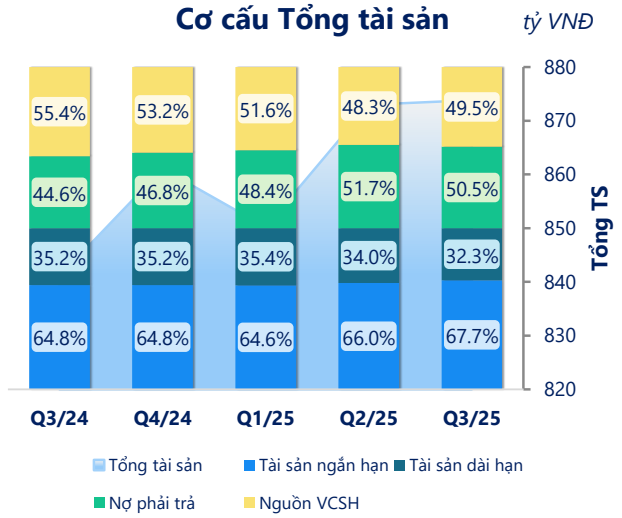
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



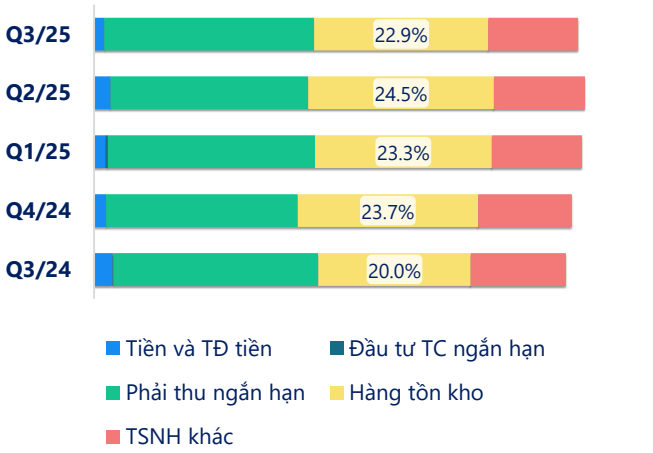
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



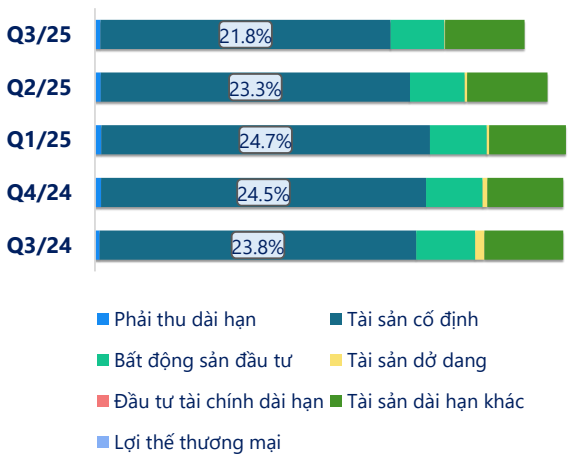
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



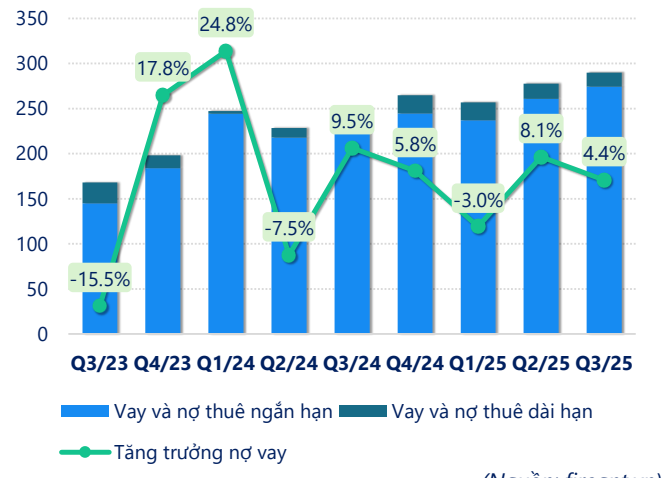
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



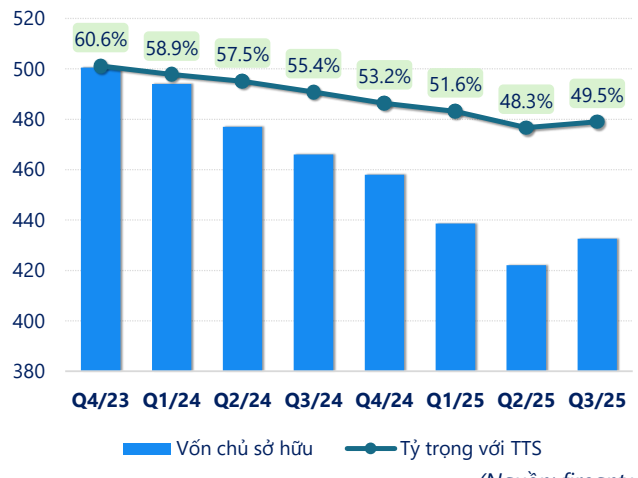
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



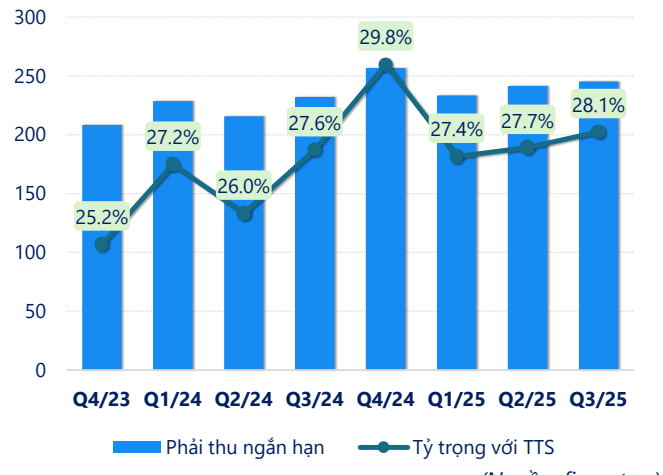
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



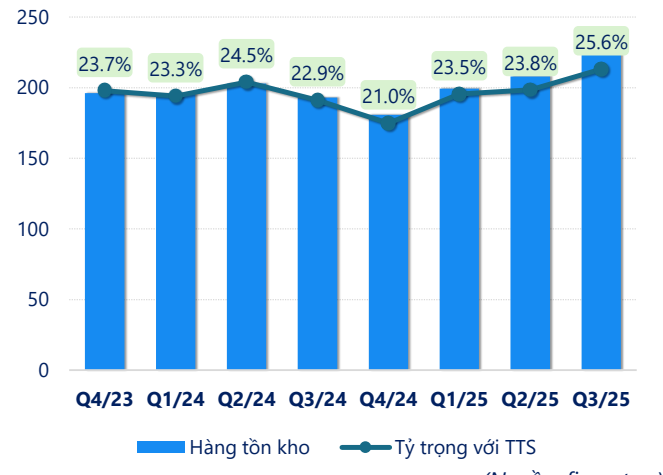
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



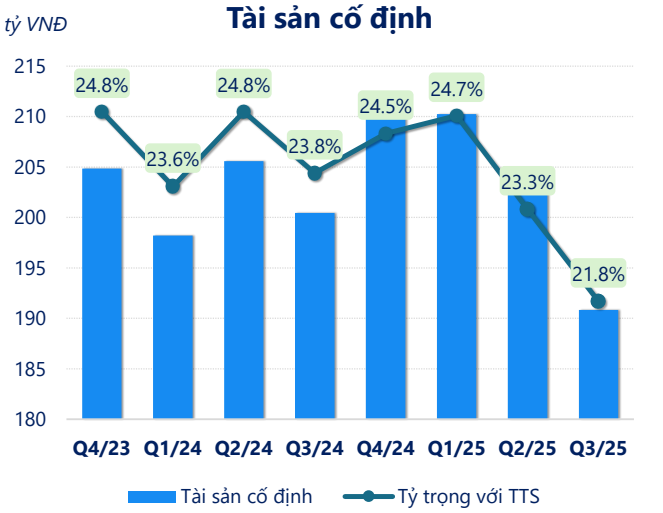
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



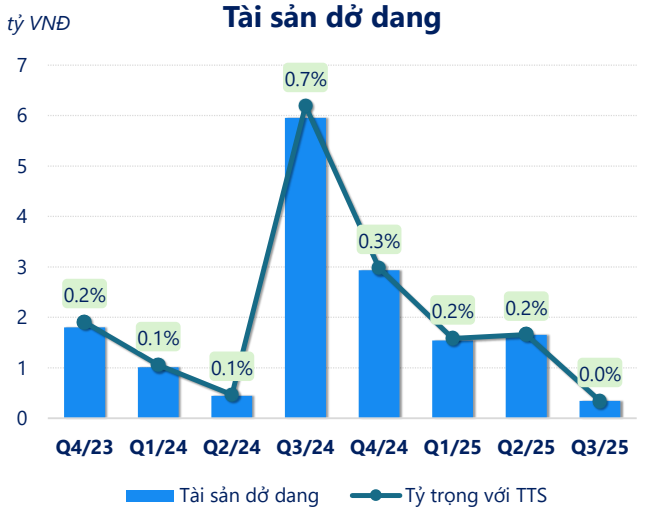
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



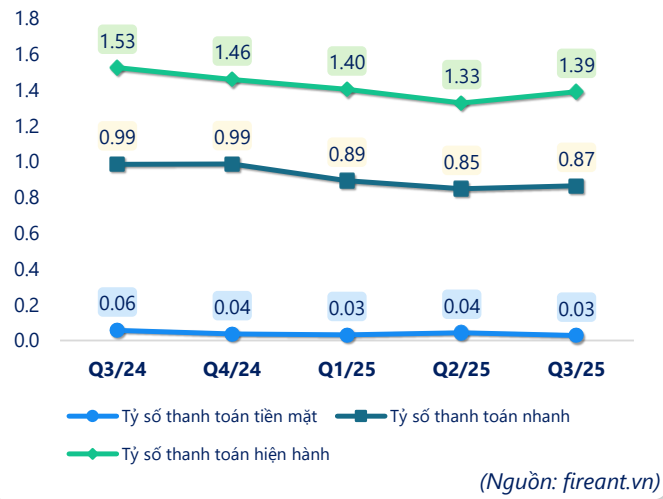
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



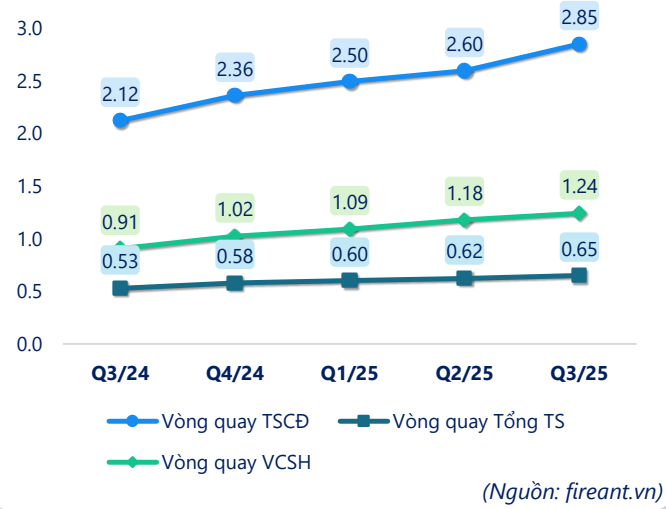
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**841**	**861**	**850**	**873**	**874**
Tài sản ngắn hạn	**545**	**558**	**549**	**576**	**592**
Tiền và tương đương tiền	20.2	13.8	12.3	19.0	11.8
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.00	0.10	0.00	0.00	0.00
Phải thu ngắn hạn	232	257	233	242	245
Hàng tồn kho	193	181	199	208	223
Tài sản ngắn hạn khác	99.5	107	104	107	111
Tài sản dài hạn	**296**	**303**	**301**	**297**	**282**
Phải thu dài hạn	2.90	3.91	4.02	3.77	3.60
Tài sản cố định	200	211	210	203	191
Bất động sản đầu tư	37.2	36.7	36.3	35.9	35.4
Tài sản dở dang	5.95	2.94	1.54	1.66	0.34
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	49.7	49.2	49.2	52.7	52.1
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**375**	**403**	**412**	**451**	**441**
Nợ ngắn hạn	**357**	**382**	**391**	**434**	**425**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	233	244	237	261	274
Phải trả người bán ngắn hạn	38.6	59.4	68.6	81.4	70.7
Nợ dài hạn	17.8	20.9	20.5	17.2	15.9
Vay và nợ thuê dài hạn	17.6	20.3	19.9	16.7	15.4
Nguồn vốn chủ sở hữu	**466**	**458**	**439**	**422**	**433**
Vốn chủ sở hữu	**466**	**458**	**439**	**422**	**433**
Vốn điều lệ	274	274	274	274	274
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)